TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Cổn.

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 804/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp PT, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp PT, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 19/11/2009, Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đoàn Văn K đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Từ năm 2009 đến nay, bà H và ông K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mẫu thuẫn gia đình trầm trọng, vợ chồng không hợp tính

nhau. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đoàn Văn K có 02 con chung là cháu Đoàn Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/11/2011 và cháu Đoàn Nguyễn Hoàng Kh, sinh 03/11/2018. Hiện tại, 02 cháu đang ở với bà H. Nay ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đoàn Văn K đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông Đoàn Văn K vẫn vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn ông Đoàn Văn K có địa chỉ cư trú tại: xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà H đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông K vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đoàn Văn K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương ngày 19/11/2009. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp.

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông K do bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H với bị đơn ông K, bà H được ly hôn với ông K.

Về con chung: Giữa bà H và ông K có 02 con chung là cháu Đoàn Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/11/2011 và cháu Đoàn Nguyễn Hoàng Kh, sinh 03/11/2018. Hiện tại, 02 cháu đang ở với bà H, cháu Phúc có nguyên vọng ở với bà H và bà H cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông K không đến tham gia phiên toà, không có ý kiến đối với vấn đề nuôi con chứng tỏ ông K không quan tâm cũng như từ bỏ quyền nuôi con của mình, do đó yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận. Bà H cũng tự nguyện không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với bị đơn ông Đoàn Văn K về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn ông Đoàn Văn K.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Đoàn Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/11/2011 và cháu Đoàn Nguyễn Hoàng Kh, sinh 03/11/2018 cho Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đoàn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đoàn Văn K đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con chung. Ông Đoàn Văn K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000989 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Cổn **Đỗ Minh Tùng** **Lại Thị Ngọc Bích**